

Chim Chích Lạc Vào Rừng

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Sáu giờ rưỡi sáng ngày 17 tháng Tám năm 1975, chiếc xe buýt lớn chở vợ chồng tôi và bốn đứa em cùng với một số người tỵ nạn khác lăn bánh ra khỏi cổng trại tỵ nạn Trại Pendleton ở nam California. Xe chạy lên phi trường Quốc tế Los Angeles và ngừng lại trước một phi trạm cho gia đình tôi xuống. Người Mỹ đầu tiên chúng tôi gặp ngoài trại là một cặp vợ chồng lớn tuổi hiền hậu. Là người tình nguyện của chi hội Hồng thập tự Los Angeles, họ chào đón và hướng dẫn chúng tôi đến quầy vé hãng Hàng không Northwest để *check-in* (ghi tên lấy thẻ lên tàu) cho chặng bay đầu tiên tới Denver, Colorado.

Tôi mang tập vé máy bay trình ở quầy vé, nhân viên phụ trách không nhìn lên hỏi trống lỗng, “Smoking or non?” Tôi bối rối, “hút thuốc hay không” nghĩa là làm sao? Tôi yêu cầu lặp lại câu hỏi. Vẫn là, “Smoking or non?” Hay anh ta bảo tôi không được hút thuốc? Vô lý, tôi không thấy bảng cấm, và nhiều người chung quanh đang hút thuốc tỉnh bơ mà ai nói gì đâu. Tuy vậy, tôi tiếc rẻ dụi điếu thuốc lá mới hút một phần ba vào chiếc gạt tàn trên quầy. Đó là điếu thuốc đầu tiên tôi thưởng thức trong gần một trăm ngày, mới được khai ra từ bao thuốc mới toanh mấy người bạn trong trại chung nhau mua tặng làm quà chia tay. Anh nhân viên bấy giờ mới ngẩng đầu lên, trả lại tập vé kèm theo xấp thẻ lên tàu,

“Cám ơn. Chúc ông thượng lộ bình an.”

Hơn một tiếng đồng hồ sau, lên máy bay tôi mới hiểu ra. Khác với Air Vietnam bên nhà, ở đây chỗ hành khách ngồi trên phi cơ chia làm hai khu – khu hút thuốc và khu không hút thuốc. Anh quầy vé hỏi chúng tôi muốn ngồi ở khu nào và khi thấy tôi hút thuốc, tự ý chỉ định chúng tôi vào khu hút thuốc.

Phi cơ lên tới cao độ bình phi, viễn ảnh của cuộc sống mới trên miền đất tự do khiến tôi phấn khởi tự thưởng cho mình điếu thuốc lá thứ hai và gọi hai lon bia Budweiser, một lon cho tôi và một lon cho Sang em trai kế. Quỳnh Châu và các em khác được uống nước ngọt miễn phí. Nhăm nhĩ những ngụm bia đầu tiên trong hơn ba tháng và thấy lâng lâng với hơi men, tôi không quên đó là lon bia đắt giá nhất đời: Mỗi lon phải trả \$1, một phần mười tài sản hiện tại của tôi. Khi xuất trại, Cơ quan Di trú và Tỵ nạn Lutheran, tổ chức thiện nguyện giúp tìm bảo trợ và dàn xếp việc định cư, cấp cho mỗi người \$10 làm lộ phí; giờ đây tôi và Sang mỗi đứa còn \$9.

Xuống phi trường Denver, chúng tôi được một thanh niên trạc tuổi tôi đón và đưa sang quầy vé hãng Hàng không Frontier để *check-in* cho chặng cuối tới Bismarck, North Dakota. Anh tự giới thiệu là Ron (gọi gọn của tên Ronald), người tình nguyện của chi hội Hồng thập tự Denver. Hình như anh phải bỏ một buổi làm để ra phi trường giúp chúng tôi. Trong gần ba tiếng đồng hồ trước khi máy bay cất cánh, tôi và Ron nhìn nhau ngượng ngịu. Anh ít lời, và tôi lẽ phép bày tỏ lòng biết ơn bằng những lời lẽ khách sáo như “Chúng tôi đã phí phạm thì giờ của anh,” “làm phiền anh,” “gây ‘bất tiện’ cho anh,” v.v. Người Mỹ tốt bụng này không thể nào hiểu được cái đái bồi lắt léo của tiếng Việt nên nói thẳng thắn,

“Nếu ông không muốn tôi có mặt ở đây, tôi có thể để gia đình ông đi một mình.”
“Không, không phải vậy . . .” tôi lắp bắp; lại thêm một chuyện “ngôn ngữ bất đồng”!

Họ đạo nhà thờ Ba Ngôi Lutheran bảo trợ chúng tôi ra đón chúng tôi ở phi trường Bismarck. Các em tôi đi về nhà trên xe hai nhóm thanh niên trẻ, và tôi và Quỳnh Châu đi với vị đại diện nhà thờ là ông Ryland Gardner. Trong mấy tuần qua tôi đã tiếp xúc với ông bằng thư và thường xuyên hơn bằng điện thoại viễn liên gọi từ phòng điện thoại công cộng. Dùng vô tội vạ lối gọi *collect* của Hệ thống Điện thoại Bell ở Bắc Mỹ rất giản tiện cho người gọi đi, nhưng rất *đau* túi tiền của người “được” gọi, tôi chỉ cần quay số “không” (*zero*) tới tổng đài và nói tên người và số điện thoại muốn gọi tới. Nhân viên tổng đài gọi số đó và khi khổ chủ đồng ý trả tiền cú điện thoại *collect* (làm sao từ chối cho được!), nối cho hai bên nói chuyện.

Chúng tôi về đến nhà, đèn đuốc bật lên sáng trưng, chiếc bánh lớn ghi dòng chữ “Welcome to Your New Home (Chào mừng các bạn về nhà mới)” cùng các thức uống bày sẵn sàng trên chiếc bàn lớn giữa phòng ăn, và tiệc tiếp tân dành cho chúng tôi bắt đầu. Tiệc tàn, khách thu dọn sạch sẽ mọi thứ rồi hối hả ra về. Ông Gardner về sau cùng và hẹn mười giờ sáng hôm sau đưa tôi đi ký hợp đồng thuê nhà và làm các thủ tục giấy tờ khác. Tôi nhìn đồng hồ: mới chín giờ rưỡi tối; chắc hẳn dân tỉnh nhỏ có thói quen đi ngủ sớm để mai đi làm.

Sáng hôm sau tôi dậy sớm, nấn ná pha cà-phê uống, và mở *ti-vi* xem tin tức. Bảy giờ 45, ông Gardner bấm chuông; tôi mời ông vào và hỏi ông dùng cà-phê sáng chưa. Ông cảm ơn và nói,
“Chắc mình không đủ thì giờ; anh sẵn sàng chưa?”
“Bác nói mười giờ, còn sớm mà,” tôi ngạc nhiên.
“Bây giờ là chín giờ 45,” ông giơ tay đưa đồng hồ ra.

Thì ra giờ Bismarck đi trước giờ California hai tiếng đồng hồ. Chuyện này, tôi mù tịt.

* * *

Giữa tháng Chín, tôi nhận việc tại trụ sở trung ương Công ty Tiện ích Montana-Dakota (MDU) và khởi đầu sáu tháng tập sự ở sở Truyền Điện. Sở có nhiệm vụ thiết kế, trông coi xây cất, và bảo trì các đường dây tải điện cao thế, một lãnh vực hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Ông cán sự già Ed (gọi gọn của tên Edward) được cất cử giúp tôi làm quen với công việc mới. Ông sinh ở Hy Lạp và theo cha mẹ di cư sang Hoa kỳ năm lên mười. Tốt nghiệp trung học, ông học làm thợ đường dây một năm ở trường dạy nghề rồi được MDU nhận vào làm việc. Ban ngày leo cột điện, ban đêm ông cặm cùi học chương trình cán sự điện hàm thụ và sau đó chuyển về trụ sở trung ương.

Tháng đầu tiên, tôi vật lộn với hai tập sách khó *nhá* nhất. Một tập là *Tiêu chuẩn Truyền Điện* trình bày phương pháp mẫu mực để thiết trí trụ điện và đường dây tải điện, và đo đạc và vẽ trắc đồ đường dây đối với mặt đất. Tập thứ hai là *Phương cách Kế toán* liệt kê các trương mục dùng để phân loại và chiết tính giá thành của các dự án xây cất. Hai tập sách chứa toàn danh từ chuyên môn lạ; tôi ôm sách chạy quanh nhờ Ed và mấy bạn kỹ sư giải thích. Để tìm hiểu đặc tính kỹ thuật của các thiết bị điện, tôi nhờ Ed lục kiếm mục lục hàng hóa do nhà chế tạo cung

cấp; ông vui vẻ tuân theo cũng như kiên nhẫn chỉ dẫn cho tôi các cách thức làm việc, dường như thông cảm nỗi khó khăn của kẻ di dân mới.

Qua tháng thứ tư, thời tiết mùa đông khắc nghiệt ập tới, tôi phải theo Ed ra ngoài trời đo đạc và khảo sát địa thế, và thu góp dữ kiện về đường đi của các đường dây tải điện cao thế. Tôi chỉ có mặt để chứng kiến và học việc; việc mang máy móc, đo đạc, và làm việc thực sự thì do Ed và hai người thợ đảm trách. Nhưng tôi phải lội tuyết có khi cao tới đầu gối ngoài đồng trống, chịu rét căm căm, và tối về bị cảm lạnh phải uống cả nắm *aspirin* để ngủ yên và chuẩn bị ngày hôm sau “chiến đấu” tiếp.

Giờ trưa nghỉ, bốn người chúng tôi vào ăn trưa ở quán The Little Cottage (Túp lều nhỏ), một *café* nằm ở rìa thành phố. “Café” là quán ăn bán cả đồ ăn lẫn thức uống và có thực đơn giới hạn với món ăn tương đối đơn giản và giá phải chăng. (Người Mỹ gọi quán cà-phê là “coffeehouse.”) Đây là quán ăn tôi nếm mùi đầu tiên ở Hoa kỳ; tôi cũng xem thực đơn, nhưng không biết món nào là món nào nên gọi thức ăn bằng cách chỉ tay vào Ed, “Tôi ăn giống như ông này.” Tôi ngạc nhiên khi thấy bà bồi bàn lớn tuổi đưa ra bình cà-phê nóng và khi khách uống hết, đưa ra bình khác; khách uống *thả giàn*. Cuối bữa ăn, Ed trả tiền cho cả bọn và sau đó về sở điền *expense report* (phiếu ghi công tác phí) để được hoàn trả; tôi không phải làm gì cả.

Sau thời kỳ tập sự, tôi chuyển sang làm việc chính thức ở nha Điều hành Hệ thống Điện. Lúc này, tôi và Quỳnh Châu bắt đầu được nhờ đi làm thông dịch viên cho đồng hương không rành Anh ngữ trong cộng đồng người Việt Bismarck nhỏ bé, và nhờ đó tôi quen thân với Dân người Huế hào phóng và hiếu khách. Một sáng thứ Bảy, tôi đưa anh và bạn anh là Phúc đi mua bảo hiểm cho hai chiếc xe cũ hai anh vừa mua. Xong việc, Dân nhất định mời tôi “đi tiệm” ăn trưa để đền ơn. Tôi đưa hai anh đến The Little Cottage, quán ăn duy nhất tôi đã tới.

Trưa thứ Bảy, quán đông khách, chúng tôi đứng sắp hàng chờ bàn trống. Dân vốn quen với lối khách tự ý ngồi vào bàn của tiệm ăn Việt nam, không ngừng chỉ trỏ, “Anh *Ba Hoa* tề [kia], bàn tề [kia] rộng mà chỉ có một người ngồi, *răng* [sao] anh không nói với họ để mình ngồi chung?” Tôi cảm thấy làm như thế sẽ có điều gì không ổn nên cố lần lữa,

“Chịu khó chờ một chút đi anh. Trước sau *chi* cũng đến mình.”

“Hay anh sợ bóng sợ vía mấy thằng Mỹ?” Dân hết kiên nhẫn, “Mình tới ngồi chung bàn, ăn trả tiền đàng hoàng chớ có ăn cắp ăn trộm *chi* của ai mà sợ? Anh nhát gan vừa vừa thôi *chớ!*”

Bị nói khích, tôi đến trước bàn chỉ có một ông Mỹ già trông có vẻ hiền lành và lễ phép hỏi,

“Chúng tôi có thể ngồi chung với ông ở bàn này hay không?”

“Không được, tôi chưa ăn xong,” ông ta giận dữ ném chiếc khăn ăn lên mặt bàn, “Tại sao anh đến sau mà không chịu đợi người khác ăn xong?”

Tôi nhận ra mình vừa toan làm một điều *không giống ai* nên vội vàng xin lỗi và rút lui vào hàng đứng chờ. Hai tuần sau, tôi lại đưa Dân và Phúc đến hãng bán xe cũ khiếu nại về chuyện hợp đồng mua bán xe không ghi đúng theo lời cam kết của người bán xe; nhân viên bán xe cũ là một loại người bị xem thiếu thành thật nhất ở Hoa kỳ. Xong việc, hai anh lại đòi tôi đưa đi ăn *fast*

food (tiệm đồ ăn nấu và bán cho khách ăn vội) cho biết . . . mùi đời. Tuy chưa đi ăn *fast food* lần nào, tôi cũng hằng hái đưa hai anh đến tiệm Burger King gần đó. Năm ngoái, khi còn ở Việt nam, tôi đã nghe cô bạn đồng nghiệp Diễm Sương tả tiệm ăn này.

Diễm Sương người Huế đậu Cao học Sinh Hóa tại Đại học Missouri-Columbia ở Columbia, Missouri và đầu niên khóa 1974-1975, về trường Đại học Kỹ thuật thuộc viện Đại học Bách khoa Thủ Đức dạy cùng với tôi. Một sáng Chủ Nhật đi ăn sáng chung với tôi và vài người bạn đồng sự Đại học Kỹ thuật ở tiệm phở Tàu Bay trên đường Lý Thái Tổ, nàng bình phẩm,

“Thấy tô xe lửa của tiệm *ni*, tôi nhớ tới tiệm Burger King bán *fast food* nổi tiếng bên Mỹ. Công ty *nó* rất lớn, có chi nhánh khắp cả nước, và chỉ đứng sau McDonald’s. Burger King có một loại xăng-úych [sandwich] kêu là *king burger* thiệt ngon và to, ăn hoài không hết.” “Tô xe lửa” là tô cỡ lớn nhất của tiệm phở Tàu Bay.

Thật dễ nhớ, tiệm Burger King có món *king burger* vừa ngon vừa rẻ. Tôi liền ngay dẫn hai ông bạn nhà quê . . . gần bằng tôi vào tiệm Burger King. Bảng thực đơn in bằng chữ lớn xanh đỏ trên tường ghi những món lạ hoắc, nhưng tôi mạnh dạn bước lại quầy và đồng dặc, “Cho tôi một cái *king burger*.” Cô bán hàng không hiểu. Khi tôi lặp lại đến lần thứ ba, cô biết chắc tôi không nói đùa và trả lời tiệm không có món đó. Mất mặt với bạn, tôi gân cổ cãi và đòi *king burger* cho bằng được. Cô kêu quản lý ra, ông ta nghĩ tôi không biết tiếng Anh, vừa giải thích vừa lấy tay ra dấu, và cuối cùng chỉ vào hình vẽ chiếc xăng-úych *Whopper* trên bảng thực đơn, “Chắc hẳn đó là cái *king burger* ông muốn.”

Tôi *quê một cục*! Nhưng *quê* thì *quê*, tôi nhận ra “king burger” của Diễm Sương chính là cái xăng-úych thịt băm (burger) cỡ bự (king size) mà mới đây, Burger King gán cho cái tên thương mại *Whopper* nghe thật *kêu* để người tiêu thụ chú ý và cạnh tranh với McDonald’s.

Bước đầu ở xứ người, tôi là nhà quê lên tỉnh, *bỡ ngỡ như chim chích lạc vào rừng*. Nhưng ai cười hở mười cái răng, tôi chẳng có gì để hổ thẹn.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 13 tháng Mười Một, 2024